

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2022/HNGĐ-ST.  
Ngày: 07-9-2022.  
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Bình.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Đức Chung và bà Lê Thị Ánh Sáng.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Vũ Thuỳ Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:** Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 167/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 149/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1980; HKTT: Tổ 17, ấp Tập Phước, xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Ký túc xá Công ty TNHH thương mại sản xuất Việt Á Châu, ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.  
(Chị H, anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị và anh Trần Văn T về chung sống với nhau từ năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 121/2018 ngày 12/10/2018. Hôn nhân giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, vợ chồng không hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, đặc biệt từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Từ khi sống ly thân không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm gì đến nhau mà mạnh

ai người đó sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời khai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết: Chị H có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn với Trần Văn T, sinh năm 1980; HKTT: Tổ 17, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Ký túc xá Công ty TNHH thương mại sản xuất Việt Á Châu, ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

**2.1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện yêu thương chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 121/2018 ngày 12/10/2018 theo đúng quy định tại các điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên xác nhận hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

**2.2.** Xét yêu cầu ly hôn của chị H:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng tháng 3/2021 đến nay, từ khi sống ly thân vợ chồng không còn quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc người còn lại muốn sống ra sao thì sống. Nay chị kiên quyết ly hôn.

Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Điều này cho thấy anh T không còn quan tâm đến đời sống hôn nhân với chị H.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị Hoà về việc xin ly hôn với anh Tùng là có cơ sở để chấp nhận.

**2.3.** Về con chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**2.4.** Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**2.5.** Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí sơ thẩm:** Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm

ứng án phí chị Hoà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0005379 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Trần Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND xã Long Phước,  
huyện Long Thành, tỉnh Đồng  
Nai.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện  
Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bình**



